TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/KDTM-PT
Ngày: 15 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Thẩm phán:

+ Ông Trần Văn San;

+ Ông Lại Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: ông Từ Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15/5/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2026/TLPT-KDTM ngày 14/01/2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2026/QĐ-PT ngày 16/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T3 (sau đây viết tắt là O); nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V Hiện đại. Địa chỉ: số C phố L, phường N, thành phố Hà Nội.

**. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Công ty TNHH Q nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q1 (sau đây viết tắt là MBAMC). Địa chỉ: số A G, phường Ô, thành phố Hà Nội. Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 31/12/2024).

Công ty TNHH Q và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q1 cử: ông Lỗ Chí Anh Đ, ông Nguyễn Tuấn T, ông Khiếu Ngọc S, bà Đỗ Thị T1 đều là chuyên viên tố tụng (địa chỉ: số A G, phường Ô, thành phố Hà Nội), là người đại diện cho MBAMC (theo văn bản uỷ quyền ngày 21/11/2025). (Ông Lỗ Chí Anh Đ có mặt; ông Nguyễn Tuấn T, ông Khiếu Ngọc S, bà Đỗ Thị T1 đều vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH N. Địa chỉ: khu công nghiệp C, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường C, tỉnh Ninh Bình).

**. Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: ông Nguyễn Tiến T2, sinh năm 1991. Địa chỉ: P, tầng D, Tòa nhà D G, phường G, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội). Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 15/12/2025). (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH D. Địa chỉ hiện nay: thôn A, xã N, thành phố Hà Nội.

**. Người đại diện hợp pháp của* Công ty TNHH D*:* ông Nguyễn Tiến T2, sinh năm 1991. Địa chỉ: P, tầng D, Tòa nhà D G, phường G, thành phố Hà Nội. Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 28/4/2026). (Có mặt)

- Công ty TNHH V1. Địa chỉ: A B, phường H, thành phố Hà Nội.

**. Người đại diện hợp pháp của* Công ty TNHH V1*:* ông Nguyễn Tiến T2, sinh năm 1991. Địa chỉ: P, tầng D, Tòa nhà D G, phường G, thành phố Hà Nội. Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 28/4/2026). (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH N (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Hợp đồng cho vay số 17DN/2022-HĐCV/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 24/5/2022; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 01.17DN/2022-HĐCV-SĐBS1/OCEANBANK353-CTTNHHNDA thể hiện: Ngân hàng T3 (O); nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (sau đây viết tắt là MBV hoặc Ngân hàng) đã cho Công ty TNHH N (sau đây viết tắt là Công ty N) vay tiền như sau: hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh; lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn tại thời điểm phát sinh khoản nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là 10%/năm tính trên dự nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; thời hạn trả nợ gốc là ngày đến hạn; thời hạn trả nợ lãi là ngày 25 hàng tháng; thời hạn vay và lãi suất trong hạn quy định theo các Giấy nhận nợ như sau:

Giấy nhận nợ số 17DN27/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 01/11/2022, số tiền giải ngân là 3.809.457.432 đồng, lãi suất 10,1%/ năm, ngày giải ngân 01/11/2022, ngày trả nợ 01/5/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN28/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 02/11/2022, số tiền giải ngân là 1.220.295.758 đồng, lãi suất 10,1%/năm, ngày giải ngân 02/11/2022, ngày trả nợ 02/5/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN29/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 24/11/2022, số tiền giải ngân là 2.003.668.380 đồng, lãi suất 10,9%/năm, ngày giải ngân 24/11/2022, ngày trả nợ 24/5/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN30/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 25/11/2022, số tiền giải ngân là 3.043.158.915 đồng, lãi suất 10,9%/năm, ngày giải ngân 25/11/2022, ngày trả nợ 25/5/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN31/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 30/11/2022, số tiền giải ngân là 576.079.200 đồng, lãi suất 10,9%/năm, ngày giải ngân 30/11/2022, ngày trả nợ 30/5/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN32/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 02/12/2022, số tiền giải ngân là 2.506.226.400 đồng, lãi suất 10,9%/năm, ngày giải ngân 02/12/2022, ngày trả nợ 02/6/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN33/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 07/12/2022, số tiền giải ngân là 1.550.424.802 đồng, lãi suất 10,9%/năm, ngày giải ngân 07/12/2022, ngày trả nợ 07/6/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN34/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 07/12/2022, số tiền giải ngân là 356.040.000 đồng, lãi suất 10,9%/năm, ngày giải ngân 07/12/2022, ngày trả nợ 07/6/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN35/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 09/12/2022, số tiền giải ngân là 2.578.159.320 đồng, lãi suất 10,9%/năm, ngày giải ngân 09/12/2022, ngày trả nợ 09/6/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN36/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 03/01/2023, số tiền giải ngân là 5.004.993.780 đồng, lãi suất 11,7%/năm, ngày giải ngân 03/01/2023, ngày trả nợ 03/7/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN37/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 04/01/2023, số tiền giải ngân là 2.485.303.700 đồng, lãi suất 11,7%/năm, ngày giải ngân 04/01/2023, ngày trả nợ 04/7/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN38/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 04/01/2023, số tiền giải ngân là 448.783.200 đồng, lãi suất 11,7%/năm, ngày giải ngân 04/01/2023, ngày trả nợ 04/7/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN39/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 06/01/2023, số tiền giải ngân là 3.323.185.000 đồng, lãi suất 11,7%/năm, ngày giải ngân 06/01/2023, ngày trả nợ 06/7/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN40/2023-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 09/01/2023, số tiền giải ngân là 5.037.771.750 đồng, lãi suất 11,7%/năm, ngày giải ngân 09/01/2023, ngày trả nợ 09/7/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN41/2023-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 10/01/2023, số tiền giải ngân là 5.037.094.480 đồng, lãi suất 11,7%/năm, ngày giải ngân 10/01/2023, ngày trả nợ 10/7/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN42/2023-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 11/01/2023, số tiền giải ngân là 4.795.322.400 đồng, lãi suất 11,7%/năm, ngày giải ngân 11/01/2023, ngày trả nợ 11/7/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN43/2023-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 12/4/2023, số tiền giải ngân là 1.115.232.250 đồng, lãi suất 9,5%/năm, ngày giải ngân 12/4/2023, ngày trả nợ 12/10/2023;

Giấy nhận nợ số 17DN44/2022-GNN/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 14/4/2023, số tiền giải ngân là 1.983.021.700 đồng, lãi suất 9,5%/năm, ngày giải ngân 14/4/2023, ngày trả nợ 14/10/2023.

Tổng số tiền đã giải ngân là 46.874.218.467 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay, Công ty N đã thế chấp cho O những tài sản như sau: 01 máy đùn Plastic, Mode SJ120/35-ZK2300 nhãn hiệu Jiangyin Deling Machinery Co.,LTD thuộc quyền sở hữu của Công ty N. Khoản phải thu theo Hợp đồng nguyên tắc số 15/NDA-DL/2023 ngày 15/01/2023 giữa Công ty TNHH D và Công ty N. Khoản phải thu theo Hợp đồng nguyên tắc số 12/01/NDA-VH/2023 ngày 12/01/2023 giữa Công ty TNHH V1 và Công ty N (theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 27DN/2023-HĐTC/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN thế chấp quyền đòi nợ theo các hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty NDA với Công ty TNHH D và Công ty TNHH V1 ngày 12/4/2023 và Hợp đồng thế chấp động sản số 86DN/2024-HĐTC/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 05/01/2024).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay, kể từ ngày 28/11/2023, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. O đã đôn đốc nhiều lần nhưng Công ty N không trả nợ cho O.

Nay O yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: buộc Công ty N phải thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ cho O với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 23.646.724.342 đồng; trong đó: nợ gốc: 20.632.529.047 đồng, nợ lãi: 2.248.481.987 đồng, tiền phạt chậm trả: 765.713.308 đồng. Buộc Công ty N phải thanh toán phần lãi phát sinh theo quy định trong hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ đã ký kết từ sau ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật mà Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì O có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 máy đùn Plastic, Mode SJ120/35-ZK2300 nhãn hiệu Jiangyin Deling Machinery Co.,LTD thuộc quyền sở hữu của Công ty N. Khoản phải thu theo hợp đồng nguyên tắc số 15/NDA-DL/2023 ngày 15/01/2023 giữa Công ty TNHH D và Công ty N. Khoản phải thu theo hợp đồng nguyên tắc số 12/01/NDA-VH/2023 ngày 12/01/2023 giữa Công ty TNHH V1 và Công ty N. Trường hợp số tiền phát mại tài sản đảm bảo không đủ trả nợ và các chi phí phát sinh khác (nếu có), Công ty N vẫn nhận nợ số tiền còn thiếu và tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho O.

Ngày 17/10/2024, Ngân hàng TMCP Q1 chính thức nhận chuyển giao toàn bộ Ngân hàng TNHH MTV T3; sau đó cập nhật đổi tên thành Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (MBV). MBV ủy quyền cho Công ty TNHH Q và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q1 theo Hợp đồng ủy quyền số 02/UQ.MBV-MBAMC ngày 31/12/2024.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ngày 24/5/2022, Công ty N ký 01 Hợp đồng cho vay số 17DN/2022-HĐCV/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN với O nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nội dung hợp đồng vay như sau: hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/5/2023; thời hạn cho vay của từng khoản nợ: tối đa không quá 06 tháng/giấy nhận nợ tiếp theo của ngày giải ngân; lãi suất cho vay: kỳ hạn dưới 06 tháng là 6,8%/năm, kỳ hạn từ 06 tháng trở lên là 8%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn; trả nợ gốc: ngày đến hạn; trả nợ lãi: ngày 25 hàng tháng.

Ngày 20/10/2022, các bên ký kết văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 01.17DN/2022-HĐCV-SĐBS1/OCEANBANK353-CTTNHHNDA với mục đích sửa đổi lãi suất cho vay.

Ngày 12/4/2023, các bên ký kết hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 27DN/2023-HĐTC/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN thế chấp quyền đòi nợ theo các hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty N với Công ty TNHH D và Công ty TNHH V1.

Ngày 05/01/2024, các bên ký Hợp đồng thế chấp động sản số 86DN/2024-HĐTC/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN để thế chấp 01 máy đùn Plastic.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, O đã giải ngân cho Công ty N tổng số tiền 46.740.630.133 đồng tương ứng với 18 khế ước nhận nợ như phía nguyên đơn trình bày. Công ty N đã trả cho O số tiền gốc là 26.108.101.086 đồng, số tiền gốc còn nợ là 20.632.529.047 đồng và lãi suất. Nay O khởi kiện yêu cầu Công ty N phải trả toàn bộ số tiền gốc còn nợ và lãi suất. Công ty N có quan điểm như sau: đối với số tiền nợ gốc phía bị đơn sẽ trả cho O. Tuy nhiên do làm ăn gặp nhiều khó khăn nên đề nghị O tạo điều kiện về mặt thời gian để Công ty N có phương án trả nợ dần; đối với khoản tiền lãi đề nghị O miễn toàn bộ.

Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH D *và người đại diện hợp pháp của* Công ty TNHH V1 *trình bày:* Công ty hoàn toàn không biết việc Công ty N thế chấp quyền về tài sản theo Hợp đồng nguyên tắc số 15/NDA-DL/2023 ngày 15/01/2023 và Hợp đồng nguyên tắc số 12/NDA-VH/2023 ngày 12/01/2023. Tuy nhiên đến ngày 31/12/2024 hai bên đã đối chiếu công nợ với nhau và kết quả nợ bằng 0, hiện Công ty không còn nợ khoản gì đối với Công ty N nữa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình đã quyết định: căn cứ Điều 26, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 146, 147, 157, 158, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Các Điều 116, 117, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 365, 385, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 56, khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ; Điều 61 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 về giao dịch bảo đảm. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với Công ty N. Buộc Công ty N phải thanh toán trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/11/2025) là 26.896.476.235 đồng; trong đó: nợ gốc là 20.632.529.047 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.255.032.028 đồng; lãi quá hạn là 3.647.109.342 đồng; lãi chậm trả lãi là 361.805.836 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 17DN/2022-HĐCV/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 24/5/2022 và các Giấy nhận nợ;

Về xử lý tài sản bảo đảm: trường hợp Công ty N không thực hiện việc trả nợ thì MBV có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại, xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là: 01 máy đùn Plastic, Mode SJ120/35-ZK2300 nhãn hiệu Jiangyin Deling Machinery Co.,LTD thuộc quyền sở hữu của Công ty N. Quyền tài sản và các tài sản hình thành, phát sinh theo Hợp đồng nguyên tắc số 15/NDA-DL/2023 ngày 15/01/2023 giữa Công ty TNHH D và Công ty N. Quyền tài sản và các tài sản hình thành, phát sinh theo Hợp đồng nguyên tắc số 12/01/NDA-VH/2023 ngày 12/01/2023 giữa Công ty TNHH V1 và Công ty N. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho MBV còn thừa thì được trả lại cho Công ty N. Trong trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho MBV thì Công ty TNHH N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ phần còn thiếu cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 04/12/2025, Công ty N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét làm rõ số tiền lãi theo quy định của pháp luật. Lý do kháng cáo: theo Điều 2.01 Hợp đồng cho vay, Bản án sơ thẩm tuyên số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả không đúng, bị đơn không chấp nhận số tiền lãi theo nội dung bản án sơ thẩm. Tại phiên toà sơ thẩm, phía bị đơn yêu cầu Ngân hàng cung cấp tài liệu chứng minh "lãi suất huy động cơ sở" và "biên độ lãi suất" nhưng Ngân hàng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Mặt khác, Ngân hàng cũng không giải trình cách tính tiền lãi và dựa trên cơ sở nào để tính ra số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH D, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH V1 trình bày: đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 27/11/2025

của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty N phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Đơn kháng cáo của Công ty N làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của Công ty N theo quy định Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH N. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn đồng ý trả cho phía nguyên đơn số tiền gốc 20.632.529.047 đồng. Bị đơn kháng cáo không đồng ý phần quyết định của bản án sơ thẩm về tổng số tiền nợ lãi là 6.263.947.206 đồng (trong đó gồm: lãi trong hạn là 2.255.032.028 đồng, lãi quá hạn là 3.647.109.342 đồng, lãi chậm trả lãi là 361.805.836 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của phía nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi suất đối với các khoản nợ theo từng Giấy nhận nợ thể hiện bị đơn phải trả tổng số tiền lãi cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.296.715.299 đồng (trong đó gồm lãi trong hạn là 2.260.480.616 đồng, lãi quá hạn là 3.647.109.342 đồng, lãi chậm trả lãi là 389.125.341 đồng). Đồng thời, người đại diện hợp pháp của phía nguyên đơn lý giải về tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm do phía nguyên đơn cung cấp tại phiên toà phúc thẩm có sự chênh lệch so với tổng số tiền lãi do phía nguyên đơn cung cấp tại phiên toà sơ thẩm là 32.768.093 đồng là do O phải chuyển giao bắt buộc cho nhiều Ngân hàng nên mỗi lần phải cập nhật hệ thống dư nợ đối với các khoản vay của khách hàng. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn giữ nguyên số tiền lãi mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên, không yêu cầu bị đơn phải trả thêm số tiền lãi chênh lệch 32.768.093 đồng nêu trên.

Đối chiếu với các thỏa thuận mà hai bên đã ký kết tại Hợp đồng cho vay số 17DN/2022-HĐCV/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ngày 24/5/2022 giữa Ngân hàng với Công ty N và các Giấy nhận nợ, nhận thấy Toà án cấp sơ thẩm quyết định buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn với số tiền lãi là 6.263.947.206 đồng là đảm bảo quyền lợi cho bị đơn.

[3] Như vậy, các lý do kháng cáo mà người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày tại phiên tòa về việc bị đơn không đồng ý số tiền lãi cho nguyên đơn là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét thấy: tại phiên toà phúc thẩm, phía bị đơn không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội

đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

[4] Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH N.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình về phần lãi suất.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm.

Công ty TNHH N phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai số 0003805 ngày 23/12/2025 (do ông Nguyễn Tiến T2 nộp thay 300.000 đồng) và Biên lai số 0000746 ngày 05/3/2026 (do ông Nguyễn Tiến T2 nộp thay 1.700.000 đồng) của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Công ty TNHH N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 LuậtThi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/5/2026).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án;
- TAND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng THADS KV5 – Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng